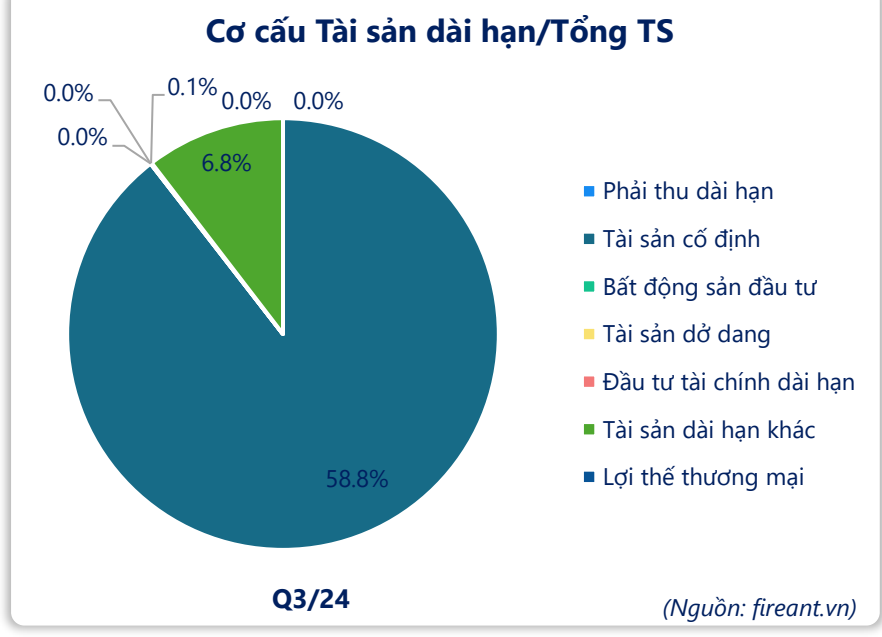
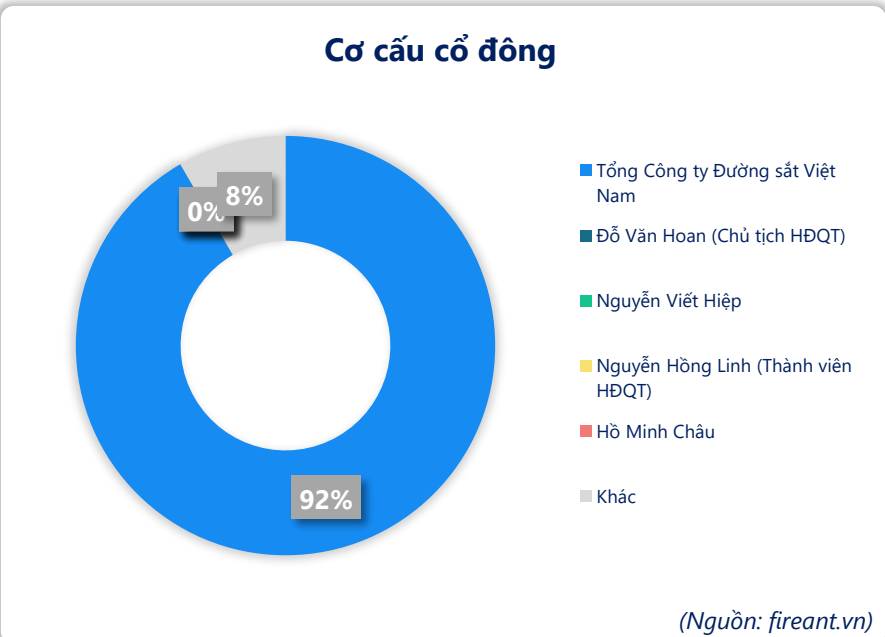
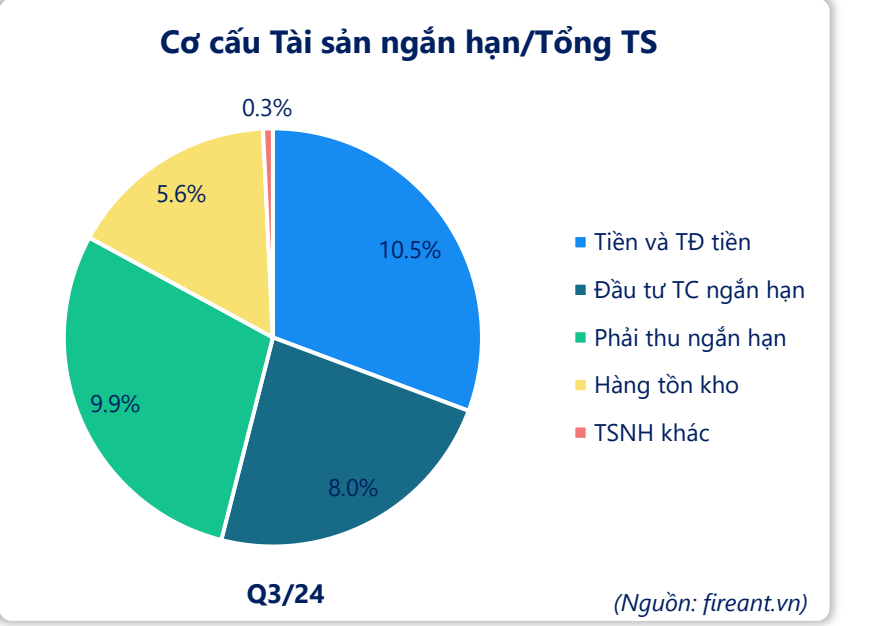
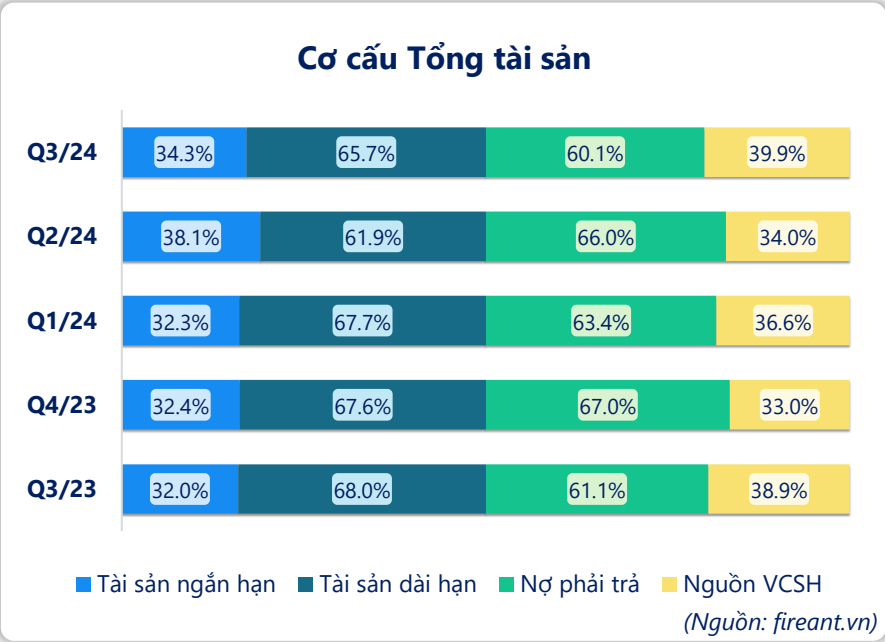
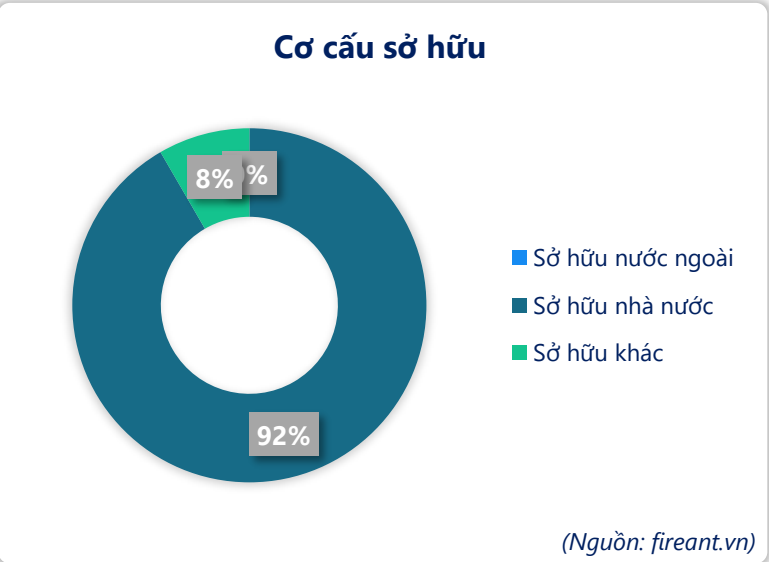
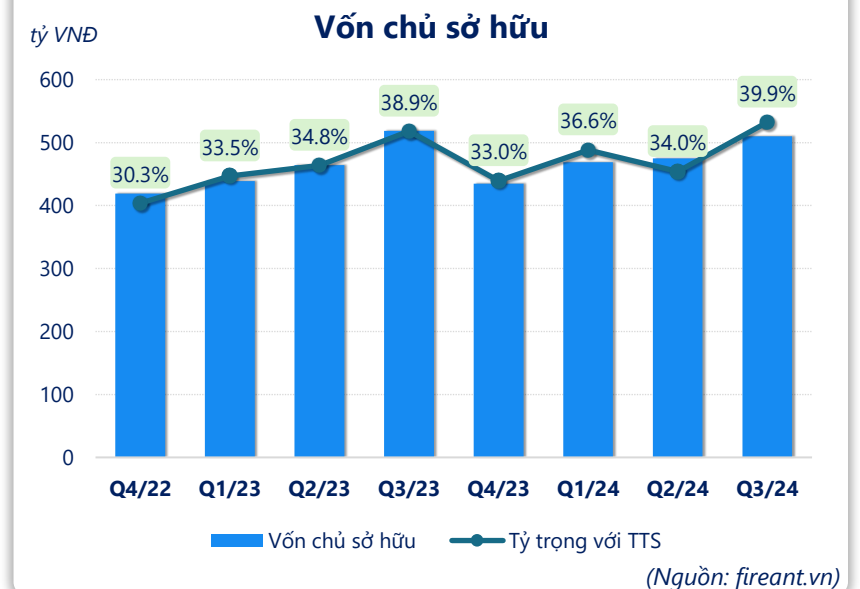
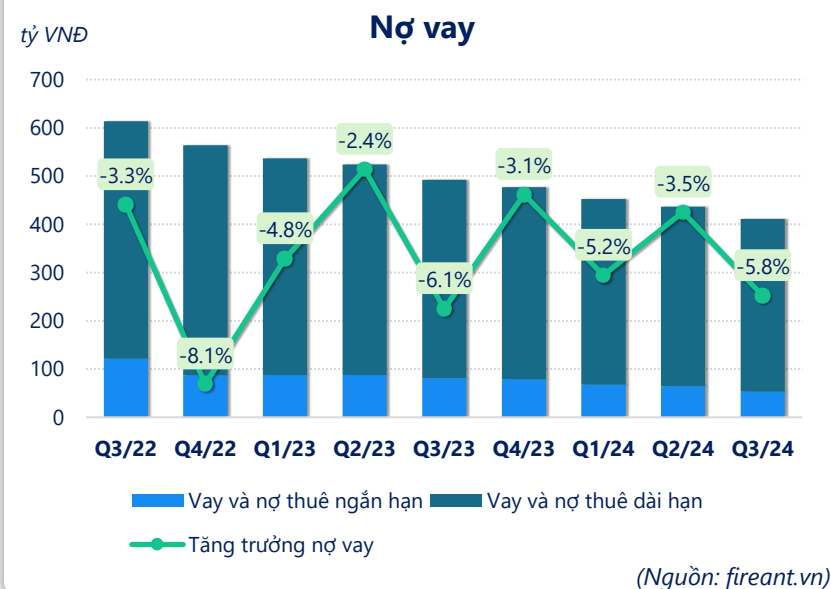
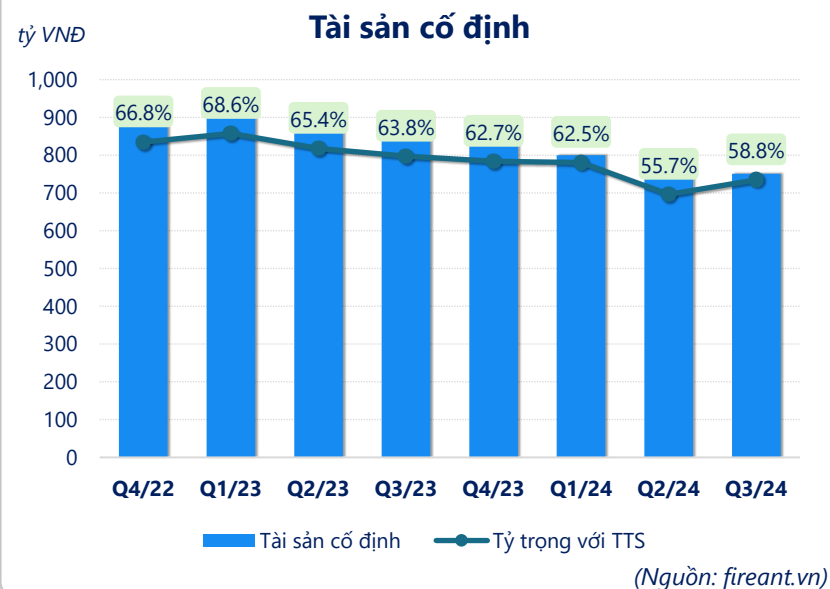
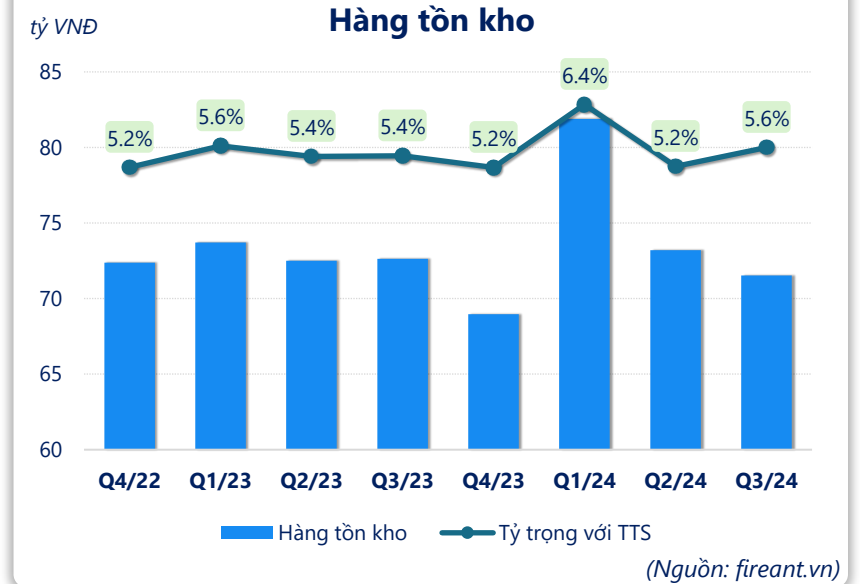
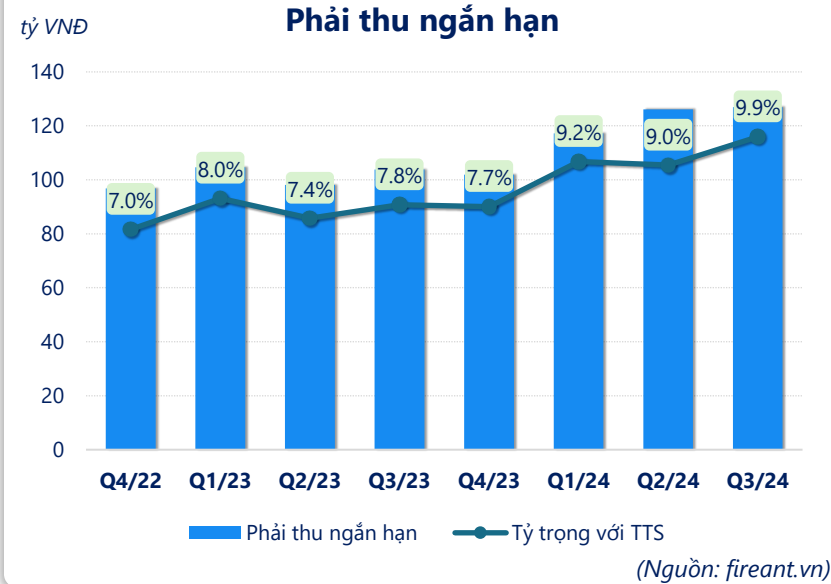
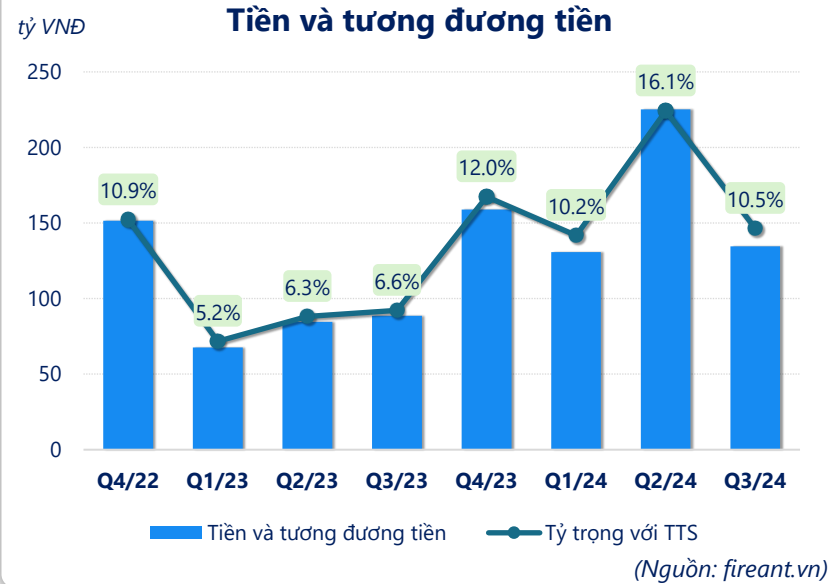
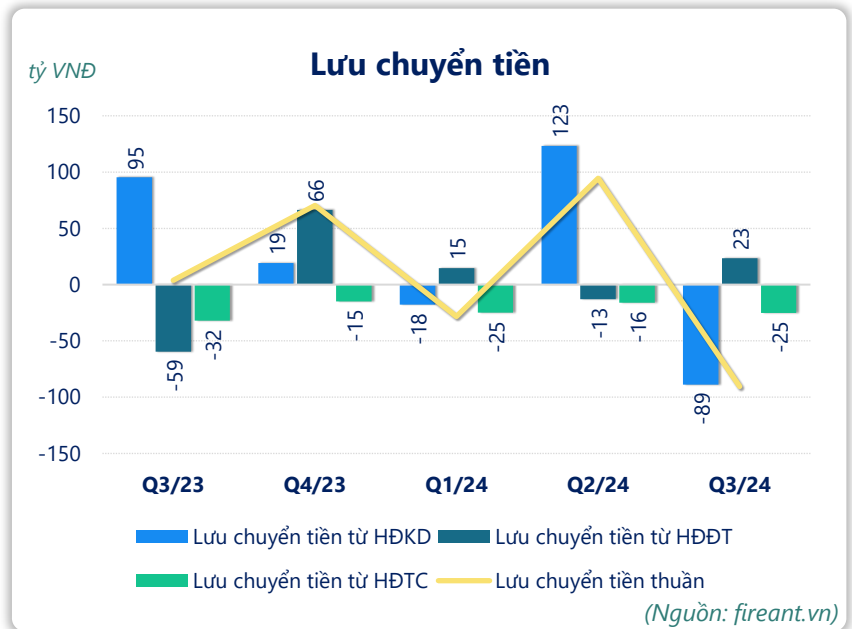
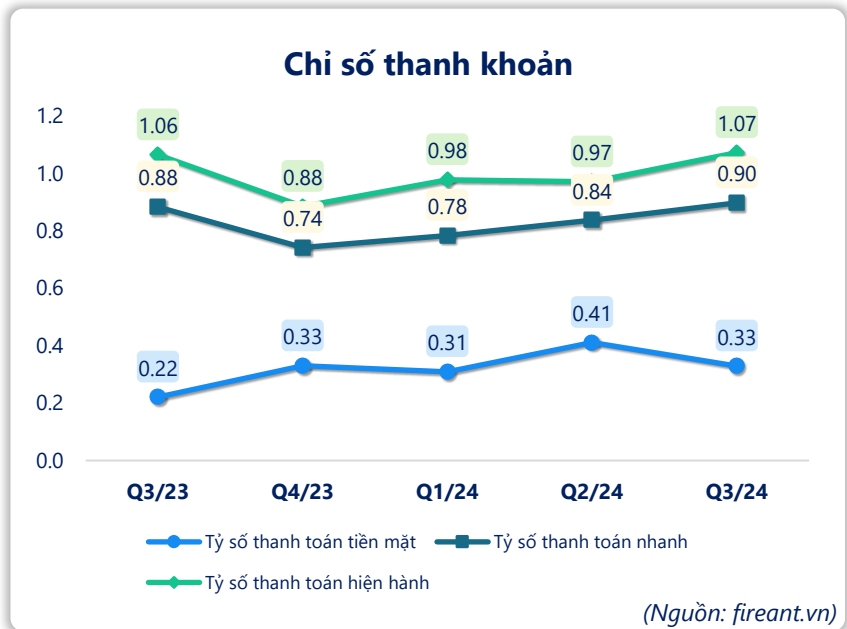
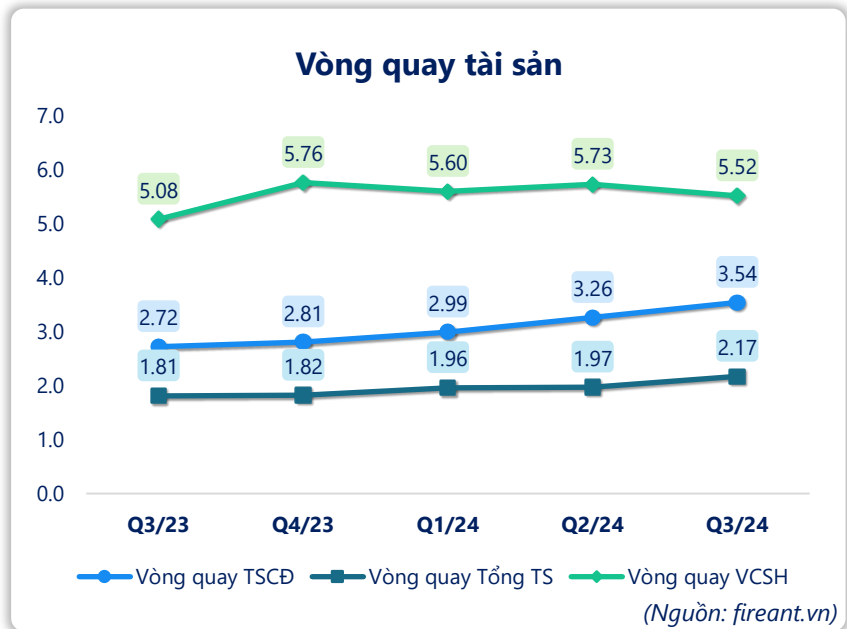
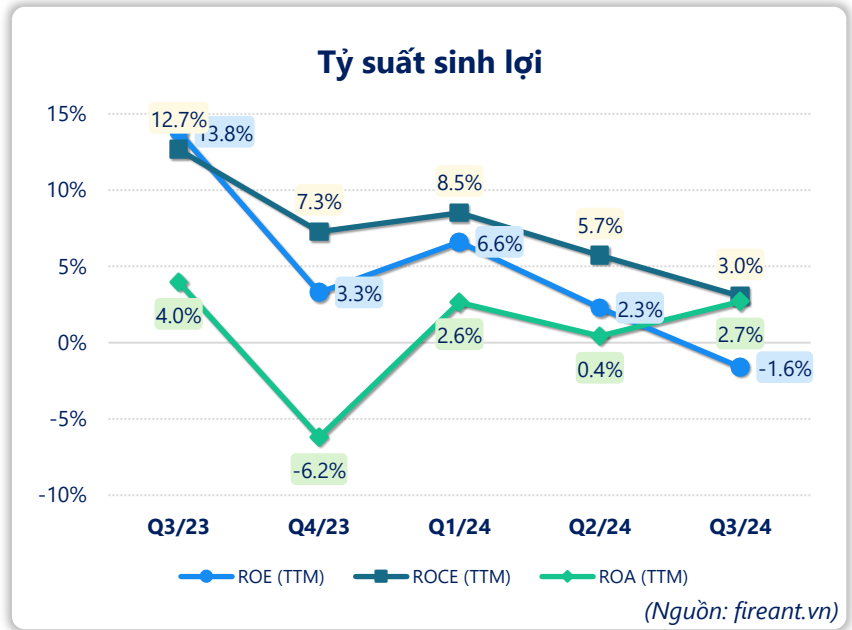
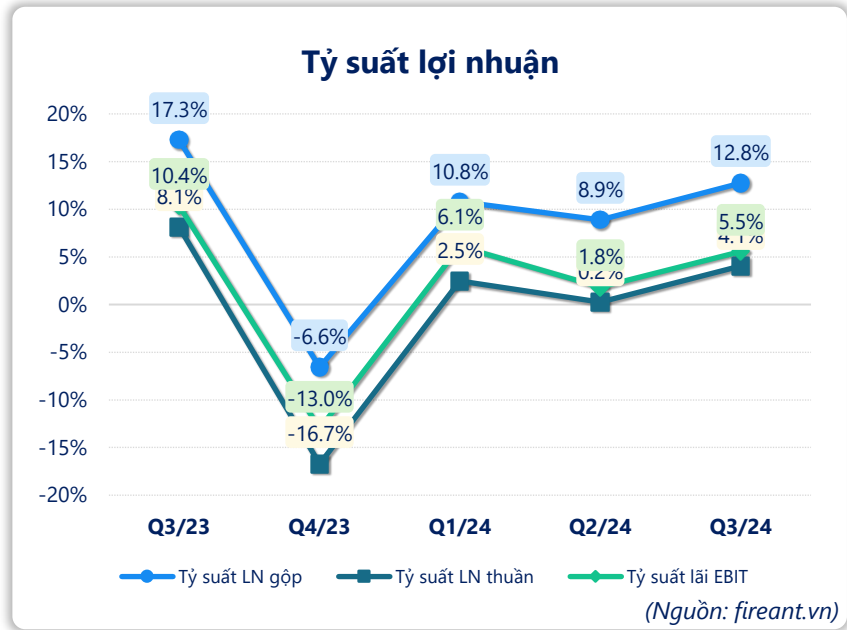
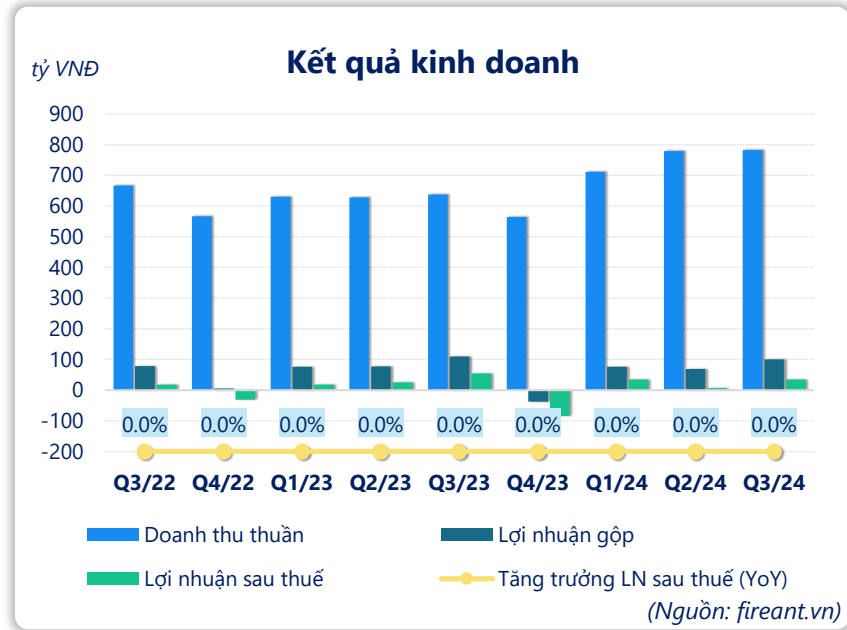


Thông tin giao dịch		30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		14,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,600
SL cổ phiếu LH		80,058,970
KLGD BQ 20 phiên (CP)		79,895
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,129
P/E		-136.9
EPS		-103

	YTD	1T	3T	6T
HRT	98.6%	22.6%	29.4%	104.3%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,278	1,319	-3.1%
Tài sản ngắn hạn	438	427	2.7%
Tiền và tương đương tiền	135	159	-15.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	102	90.0	13.3%
Phải thu ngắn hạn	127	102	24.6%
Hàng tồn kho	71.5	69.0	3.7%
Tài sản ngắn hạn khác	3.33	7.04	-52.7%
Tài sản dài hạn	839	892	-5.9%
Phải thu dài hạn	0.02	0.10	-85.0%
Tài sản cố định	751	827	-9.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.75	0.75	0.0%
Tài sản dài hạn khác	87.4	64.5	35.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	767	884	-13.2%
Nợ ngắn hạn	409	483	-15.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	52.8	79.2	-33.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	69.0	71.7	-3.7%
Nợ dài hạn	358	402	-10.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	358	398	-10.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	510	435	17.4%
Vốn chủ sở hữu	510	435	17.4%
Vốn điều lệ	801	801	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	637	565	711	779	782
Giá vốn hàng bán	527	602	634	709	683
Lợi nhuận gộp	110	-37.1	76.8	69.2	99.8
Doanh thu HĐTC	3.31	3.03	1.96	1.22	2.37
Chi phí TC	11.9	10.3	8.97	8.25	8.23
Chi phí lãi vay	11.9	10.3	8.97	8.25	8.23
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	39.9	39.1	41.1	48.5	49.7
Chi phí QLDN	9.73	10.9	10.9	11.9	12.5
LN thuần từ HĐKD	51.7	-94.4	17.7	1.89	31.7
Lợi nhuận khác	2.38	10.7	16.6	4.18	3.43
LN trước thuế	54.1	-83.8	34.3	6.07	35.2
Lợi nhuận sau thuế	54.1	-83.8	34.3	6.07	35.2
LNST của CĐ cty mẹ	54.1	-83.8	34.3	6.07	35.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	95.3	19.1	-17.9	123	-88.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-59.4	66.4	14.5	-12.9	23.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-32.0	-15.1	-24.9	-16.0	-25.1
Tiền đầu kỳ	84.6	88.5	159	131	225
Lưu chuyển tiền thuần	3.89	70.4	-28.2	94.5	-90.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	88.5	159	131	225	135

(Nguồn: fireant.vn)